



CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN
Erection Electromechanics Testing Joint Stock Company
Số 434-436 Nguyễn Trãi - Trung Văn-Nam Từ Liêm- Hà Nội
Tel: 04.35543839 Fax: 04. 35543790
Website: www.emetc.com.vn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty niêm yết: *Công ty Cổ phần Lắp Máy – Thí Nghiệm Cơ Điện*
Năm báo cáo: 2022

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện
- Tên công ty viết bằng tiếng anh: ERECTION – ELECTROMECHANICS TESTING JOINT STOCK COMPANY.
- Tên công ty viết tắt: EMETC., JSC
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 0100106458 thay đổi lần thứ 10, cấp ngày 14 tháng 05 năm 2018
- Vốn điều lệ: 15.000.000.000 VNĐ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 15.000.000.000 VNĐ
- Địa chỉ: Số 434-436 Đường Nguyễn Trãi, Phường Trung Văn, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: 024.35543839
- Số Fax: 024.35543790
- Website: www.emetc.vn
- Mã cổ phiếu: LCD

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí Nghiệm Cơ Điện tiền thân là Trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy (sau gọi tắt là Trung tâm) thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam. Trong suốt quá trình hình thành và phát triển, công ty đã tạo dựng được uy tín lớn trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, đặc biệt là trong lĩnh vực chuyên ngành của công ty là dịch vụ kiểm tra không phá hủy và lắp đặt, thí nghiệm điện. Để có được vị trí như ngày hôm nay không phải là điều dễ dàng, đó là kết quả của những nỗ lực không mệt mỏi, của trí tuệ, tinh thần sáng tạo, học hỏi kết hợp với kinh nghiệm và nhiệt huyết của bao thế hệ cán bộ công nhân viên công ty.

Chặng đường hình thành và phát triển của công ty được đánh dấu bằng những mốc thời gian quan trọng:

- Năm 1980: Thành lập trung tâm nghiên cứu kinh tế kỹ thuật Lắp máy

- Năm 1993: Đổi tên thành Xí nghiệp Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Năm 1996: Đổi tên thành công ty Lắp máy và thí nghiệm cơ điện

- Ngày 08 tháng 01 năm 2004: Bộ Xây Dựng có quyết định số 54 /QĐ-BXD cổ phần hoá Công ty Lắp Máy và Thí Nghiệm Cơ Điện thuộc Tổng Công ty Lắp Máy Việt Nam thành Công ty Cổ Phần lắp máy và thí nghiệm cơ điện với số vốn điều lệ là: 5.600.000.000 đồng; Trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 2.903.600.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 2.696.400.000 đồng (Chiếm 48,15%). Công ty cổ phần Lắp máy và Thí Nghiệm Cơ điện đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 05 tháng 03 năm 2004 theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103003803 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

- Ngày 15 tháng 01 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ nhất do thay đổi giám đốc và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

- Ngày 04 tháng 07 năm 2007: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 2, đổi tên thành Công ty Cổ Phần LILAMA - Thí Nghiệm Cơ Điện và tăng vốn điều lệ lên 13.500.000.000 đồng trong đó vốn nhà nước tại Doanh nghiệp là: 6.999.750.000 đồng (Chiếm 51,85%) và phần vốn góp của các cổ đông là: 6.500.250.000 đồng (Chiếm 48,15%).

- Ngày 13 tháng 03 năm 2008: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 3, Công ty chuyển trụ sở chính từ 124 Minh Khai- Hai Bà Trưng -Hà Nội về số 434-436 đường Nguyễn Trãi- Xã Trung Văn - Huyện Từ Liêm – TP Hà Nội và thay đổi người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Mỗi mốc thời gian đó đều đánh dấu một bước trưởng thành mới của công ty và là sự khởi đầu cho bước phát triển tiếp theo.

- Ngày 08 tháng 10 năm 2010: Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội có Quyết định số 737/QĐ-SGDHN về việc chấp thuận niêm yết cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện. Ngày 15 tháng 11 năm 2010 cổ phiếu Công ty Cổ phần Lắp máy- Thí nghiệm cơ điện (Mã chứng khoán: LCD) chính thức giao dịch trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Ngày 31 tháng 08 năm 2011: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 4, Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Kinh doanh bất động sản, tư vấn bất động sản, hoạt động tư vấn quản lý, xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

- Ngày 13 tháng 04 năm 2012: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 5. Công ty mở rộng thêm lĩnh vực kinh doanh mới: Sản xuất các phụ tùng cấu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng.....

- Ngày 04 tháng 01 năm 2013: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 6, Công ty bổ sung vốn điều lệ từ 13.500.000.000 đồng lên 15.000.000.000 đồng

- Ngày 06 tháng 06 năm 2014: Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 7, Công ty thay đổi tên công ty từ Công ty CP Lilama – Thí nghiệm cơ điện sang Công ty CP lắp máy – Thí nghiệm cơ điện.

- Ngày 24 tháng 09 năm 2014 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 8.
- Ngày 29 tháng 04 năm 2016 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 9.
- Ngày 14 tháng 05 năm 2018 Công ty thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần 10

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh của công ty:

Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh theo quy định của giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và điều lệ phù hợp với quy định của pháp luật. Khi cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định việc chuyển hay mở rộng các ngành nghề kinh doanh của công ty mà pháp luật cho phép. Hiện nay, ngành nghề kinh doanh của công ty bao gồm:

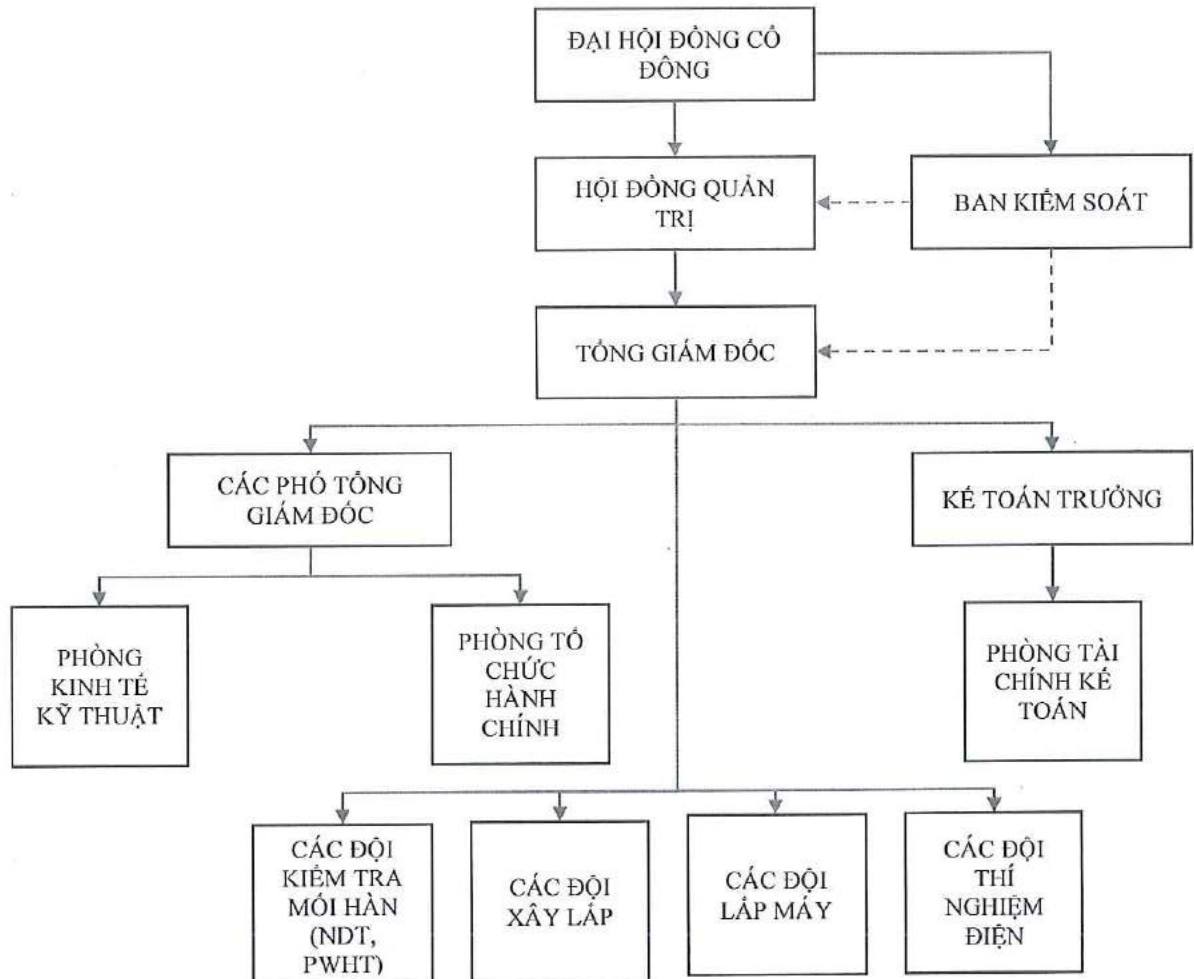
- Xây dựng các công trình công nghiệp, đường dây tải điện, trạm biến thế, lắp ráp thiết bị máy móc cho các công trình;
- Sản xuất phụ tùng cầu kiện kim loại, phụ kiện phi tiêu chuẩn cho xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng: gạch lát, tấm lợp, đá ốp lát, đất đèn, ô xy, que hàn, kinh doanh vật tư thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Thiết kế các dây chuyền sản xuất: vật liệu xây dựng, giấy và chế biến lương thực, thực phẩm;
- Lắp đặt các thiết bị công nghệ tự động, công nghệ môi trường, xử lý nước sinh hoạt, hệ thống điều khiển, các thiết bị đo lường và thiết bị dự phòng chống sét cho các hệ thống điện;
- Lắp đặt điện, nước, thiết thông gió, điều hoà không khí;
- Cung cấp, lắp đặt, bảo trì các loại thang máy và hệ thống phòng chống cháy;
- Thí nghiệm kiểm tra, hiệu chỉnh hệ thống thiết bị điện đo lường và điều khiển tự động, hệ thống truyền tải tới 500KV;
- Thí nghiệm, kiểm tra cơ nhiệt, chạy thử các dây truyền công nghệ cho các nhà máy công nghiệp;
- Kiểm tra không phá huỷ (NDT) bằng các phương pháp chụp phóng xạ, siêu âm, từ tính, thử mẫu và kiểm tra chân không;
- Kiểm tra xử lý gia nhiệt các mối hàn kim loại.
- Kinh doanh bất động sản.
- Tư vấn bất động sản.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Phá dỡ

- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
- Bán buôn đồ điện gia dụng, điều hòa nhiệt độ
- Sửa chữa máy móc, thiết bị

- *Địa bàn kinh doanh:*

Với chức năng, ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh, địa bàn kinh doanh của công ty trải khắp các vùng miền trong cả nước, tham gia thi công xây lắp tất cả các công trình công nghiệp, dân dụng, quốc phòng... Trong thời gian tới, công ty dự định mở rộng địa bàn hoạt động ra nước ngoài.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần đứng đầu là Đại hội đồng cổ đông; Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát; Ban điều hành- đứng đầu là Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Trưởng các phòng ban và đội trưởng các công trình

Định hướng phát triển

- Mục tiêu chủ yếu của Công ty:

Mục tiêu của Công ty trong dài hạn theo định hướng trong Đề án Tái cấu trúc công ty là: Nâng cao năng lực, sức cạnh tranh trong lĩnh vực Thí nghiệm kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá hủy (NDT), thí nghiệm hiệu chuẩn thiết bị điện – thiết bị đo lường, hướng đến trở thành công ty hàng đầu Việt Nam về lĩnh vực kiểm tra NDT và thí nghiệm hiệu chuẩn.

Năm 2022 Công ty tập trung vào 2 mục tiêu lớn là:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, tiếp tục phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, xác định sơ đồ tổ chức giai đoạn 2021 – 2025 của toàn Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo 2022, nội dung đào tạo theo các hình thức khác nhau đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục thực hiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.
- Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Đối với các hoạt động SXKD:

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD. Tiếp tục nâng cao năng lực và làm tốt công tác thị trường – Marketing cho cả 2 lĩnh vực xây lắp và kiểm tra không phá hủy cả trong nước và ngoài nước.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, và đề ra các kế hoạch đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

a. Sản xuất kinh doanh:

- Hoàn thành về sắp xếp và chuyển đổi mô hình quản lý, chuyển đổi căn bản về năng lực quản lý của Công ty
- Tăng trưởng cao mọi mặt trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đầu tư chiều sâu để tiếp tục phát huy những thế mạnh về các công việc sở trường truyền thống của Công ty trong những năm qua đó là công tác thí nghiệm điện và công tác kiểm tra mỗi hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT.
- Tăng cường đầu tư, hợp tác đầu tư, tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề và phạm vi kinh doanh, dịch chuyển cơ cấu kinh doanh, nghiên cứu và mạnh dạn phát triển thêm một số công việc khác: sản xuất các tủ bảng điện, máng cáp, chế tạo và lắp đặt các thiết bị, kết cấu thép...

b. Tài chính:

- Duy trì tình hình tài chính lành mạnh và ổn định.
- Tích cực tìm nguồn vốn với chi phí thấp

c. Công tác đời sống của CBCNV:

- Đảm bảo đủ việc làm cho CBCNV, phân đầu nâng mức thu nhập bình quân hàng tháng đạt và vượt 8,4 triệu đồng/người/tháng.
- Duy trì chế độ khuyến khích thợ giỏi, xây dựng đơn giá tiền lương và định mức khoán đảm bảo sự công bằng xã hội và kích thích sản xuất phát triển.
- Chăm lo sức khoẻ cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ, thăm hỏi trợ cấp khó khăn kịp thời cho CBCNV.
- Đẩy mạnh phong trào văn hoá, văn nghệ thể thao quần chúng tạo ra cuộc sống tinh thần sôi động, xoá bỏ các tệ nạn xã hội, tích cực tham gia các phong trào với địa phương có hiệu quả.

4. Các rủi ro:

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh toán

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

4.1. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty có gốc ngoại tệ là rất thấp

b. Rủi ro lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

c. Rủi ro giá

Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là biến động giá của nguyên, nhiên vật liệu đầu vào giữa thời điểm ký hợp đồng và thời điểm thi công

4.2. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác / chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

4.3. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

Trong những năm gần đây, với chức năng và nhiệm vụ của mình, công ty đã thực hiện và hoàn thành nhiều công trình lớn, quan trọng như : Nhà máy nhiệt điện Vũng Áng, nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn, nhà máy nhiệt điện Mông Dương, khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh, nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn, nhiệt điện Thái Bình, nhiệt điện Long Phú, NM điện mặt trời Sông Giang, NM Nhiệt điện Nghi Sơn 2, NM điện mặt trời áp mái... Và đang thực hiện hoàn thành bàn giao một số công trình: nhà máy nhiệt điện Sông Hậu 1, nhà máy nhiệt điện Vân Phong 1, nhà máy Lọc hoá dầu Long Sơn... Đào tạo được đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật có trình độ cao, đội ngũ công nhân kỹ thuật lành nghề có khả năng kế thừa và phát triển để đảm nhận quản lý và thực hiện những dự án có quy mô lớn.

Năm 2022 với những khó khăn chung của ngành xây lắp, thị trường việc làm thế mạnh của Công ty bị thu hẹp cùng với sự cạnh tranh gay gắt của các đối thủ cùng ngành nghề. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của lạm phát nên giá cả tăng cao ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, một số chỉ tiêu kinh tế chính năm 2022 của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2022 (Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	50.689.087.160
2	Tổng doanh thu	38.118.264.211
3	Lợi nhuận trước thuế	378.357.732
4	Nộp ngân sách	5.487.264.526
5	Thu nhập bình quân	8.450.702
6	Đầu tư	697.642.000
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (Đồng)	Thực hiện năm 2022 (Đồng)	Tỷ lệ % so kế hoạch
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	67.615.000.000	50.689.087.160	75%
2	Tổng doanh thu	50.558.000.000	38.118.264.211	75%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.011.000.000	378.357.732	37%
4	Nộp ngân sách	2.263.000.000	5.487.264.526	242%
5	Thu nhập bình quân	8.463.000	8.450.702	99.85%
6	Đầu tư	10.000.000.000	697.642.000	6.98%
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	3%		

-Thuận lợi

- Được sự giúp đỡ tạo điều kiện thuận lợi của các đối tác, các cơ quan chính quyền địa phương TP Hà Nội và các địa phương nơi công ty thi công.
- Sự quyết tâm nỗ lực khắc phục mọi khó khăn của toàn thể CBCNV, sự kết hợp chặt chẽ của các tổ chức đoàn thể trong Công ty.
- Ban lãnh đạo Công ty đã không ngừng tìm kiếm đối tác, ký kết hợp đồng kinh tế.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Quê quán	Số CP sở hữu
1	Hoàng Văn Lít	09/01/1970	Kỹ sư điện	TGD	Đông Anh – Hà Nội	45.555
2	Nguyễn Thành Đại	21/06/1979	Kỹ sư điện	PTGD	Hà Đông – Hà Nội	5.000
3	Nguyễn Sỹ Thành	21/12/1976	Kỹ sư điện	PTGD	Tuy Hòa - Hải Dương	5.000
4	Lê Văn Định	17/07/1970	Kỹ sư điện	CT.HDQT	Ứng Hòa – Hà Nội	10.633
5	Vũ Hoàng Tùng	05/07/1985	Cử nhân kinh tế	KTT	Bà Triệu – Hà Nội	286.350

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành:

Trong năm 2022 công ty CP lắp máy – TNCĐ không có sự thay đổi trong ban điều hành

2.3 Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động

- Tổng số lao động đến 31/12/2022 là 88 người; Trong đó

- Hợp đồng dài hạn là: 55 người
- Hợp đồng ngắn hạn dưới 3 tháng là: 0 người

- Chính sách đối với người lao động:

- Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng hệ thống lương theo tính chất công việc. Đối với công nhân trực tiếp sản xuất, áp dụng lương khoán theo khối lượng công việc hoàn thành trong tháng. Đối với cán bộ công nhân viên gián tiếp, nghiệp vụ hưởng lương theo công việc và căn cứ vào trình độ, năng lực và hiệu quả công việc được giao.
- Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua,
- Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty cũng sẽ tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề, bậc kỹ thuật, tạo ra phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.
- Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty có những chính sách khen thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử phạt đối với các hành vi gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, hình ảnh của Công ty.
- Công tác đời sống đối với CBCNV Công ty luôn quan tâm, đảm bảo cho người lao động làm việc và thu nhập đúng với kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty, mức thu nhập bình quân một người/tháng đảm bảo, tiền thưởng bình quân lao động/người/năm bằng một tháng lương bình quân của năm.
- Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Tình hình thực hiện các dự án đầu tư:

Kế hoạch đầu tư mua máy móc thiết bị phục vụ sản xuất năm 2022 là 10.000.000.000 đồng. Công ty thực hiện được: 697.642.000 đồng đạt 6,98% so với kế hoạch.

3.2. Các công ty con, công ty liên kết:

Hiện tại, Công ty không có công ty con/công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

Trên cơ sở nhận định khách quan, sát thực về cơ hội và thách thức, bước vào thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2022, Công ty đã đề ra các mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, phù hợp; lãnh đạo và điều hành linh hoạt theo diễn biến của nền kinh tế, đặc biệt nắm bắt, khai thác các cơ hội một cách hiệu quả. Trong những thời điểm khó khăn nhất về vốn của thị trường Việt Nam, Công ty vẫn kiểm soát được tài chính, đảm bảo được vốn cho hoạt động. Thanh toán cho các nhà cung cấp vật tư, nhà thầu phụ, các đơn vị thi công của Công ty đúng tiến độ và kế hoạch. Một số chỉ tiêu đánh giá tài chính trong năm như sau:

a. Các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2021 (Đồng)	Năm 2022 (Đồng)	Tỷ lệ % đạt so với năm 2021
Tổng giá trị tài sản	141.088.988.253	131.615.291.079	93.29%
Doanh thu thuần	107.054.740.722	38.118.264.211	35.61%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	2.327.331.338	-895.172.259	-38.46%
Lợi nhuận khác	352.935.977	1.273.529.991	360.84%
Lợi nhuận trước thuế	2.680.267.315	378.357.732	14.12%
Lợi nhuận sau thuế	1.778.114.732	126.755.766	7.13%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán + Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn + Hệ số thanh toán nhanh: TSLĐ-Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn	 1.09 0.81	 1.1 0.89	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	 0.78 3.47	 0.76 3.25	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động + Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán Hàng tồn kho bình quân + Doanh thu thuần/Tổng tài sản	 3.05 0.76	 1.32 0.29	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu + Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản + Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	 0.02 0.06 0.01 0.022	 0.003 0.04 0.01 -0.023	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần công ty hiện có là 1.500.000 trong đó có 55 cổ phiếu quỹ

b. Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông cá nhân

STT	Họ và tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu(%)
1	Hoàng Hữu Hải	274.546	18.3
2	Vũ Hoàng Tùng	286.350	19.09
3	Vũ Thị Thúy Giang	255.000	17
4	Hoàng Văn Lít	45.555	3.04
5	Các cá nhân khác	95.645	6.38

- Cổ đông tổ chức/nhà nước

TT	Họ và tên	Địa chỉ	Số Đăng ký kinh doanh	Cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng công ty Lắp máy Việt Nam- Công ty TNHH MTV	124 Minh Khai, Hà Nội	0100106313	542.750	36.18
2	Công CP Chứng khoán An Bình	Tầng 16, số 36 phố Hoàng Cầu, P. Ô Chợ Dừa, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội	23/GCNTVLK	11	0.0007
3	Công ty cổ phần chứng khoán VPS	Khu văn phòng số 65 phố Cảm Hội, P. Đồng Mác, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	30/GCNTVLK	77	0.005
4	Công ty CP Lắp máy – Thí nghiệm cơ điện	434-436 Nguyễn Trãi – Trung Văn – Nam Từ Liêm – HN	0100106458	55	0.004

- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Trong năm 2022 công ty không có giao dịch cổ phiếu quỹ

- *Chứng khoán khác:*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ: 89.160 kw

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Tiết kiệm khoảng 1% tổng năng lượng sử dụng thông qua chương trình tiết kiệm.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung cấp nước: Nước sạch Hà Đông

- Sử dụng: 360 khối

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 1%

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền bị xử phạt: Không

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

- Số lượng lao động: 88 người

- Mức lương bình quân: 8.419.960 đồng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn phúc lợi của người lao động

- Đảm bảo đủ việc làm cho cán bộ công nhân viên, tăng hiệu quả sản xuất để tăng thu nhập cho người lao động

- Thực hiện quy chế khen thưởng, phúc lợi, thăm hỏi trợ cấp kịp thời cho CBCNV

- Chăm lo sức khỏe cho người lao động, tổ chức khám sức khỏe định kỳ đều đặn, mua BHXH, BHYT, bảo hiểm tai nạn lao động đầy đủ

c) Hoạt động đào tạo người lao động

Công ty tổ chức chương trình đào tạo kiểm tra chất lượng mối hàn bằng phương pháp không phá hủy NDT và An toàn bức xạ trong công nghiệp tại Trung tâm đánh giá không phá NDE. Công ty có 01 chuyên gia NDT bậc III quốc tế, đảm bảo cho sự tăng trưởng của công tác NDT trong thời gian tới.

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật và địa phương, tích cực tham gia các hoạt động phong trào giữ gìn và bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp

- Tham gia các hoạt động xã hội từ thiện và ủng hộ tại địa phương

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:

Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2022 (Đồng)	Thực hiện năm 2022 (Đồng)	Tỷ lệ % so KH	Tỷ lệ % so với 2021
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	67.615.000.000	50.689.087.160	75%	36%
2	Tổng doanh thu	50.558.000.000	38.118.264.211	75%	36%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.011.000.000	378.357.732	37%	14%
4	Nộp ngân sách	2.263.000.000	5.487.264.526	242%	83%
5	Thu nhập bình quân	8.463.000	8.450.702	99.85%	99.69%
6	Đầu tư	10.000.000.000	697.642.000	69.76%	0%
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	3%			

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

a. Về công tác tổ chức và quản lý:

- Năm 2022 nhân sự bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty tiếp tục được bổ sung và kiện toàn, năng lực quản lý tiếp tục nâng cao đáp ứng yêu cầu quản lý tốt các hoạt động của Công ty.
- Nguồn nhân lực được bổ sung về số lượng, nâng cao về chất lượng, công tác tuyển dụng, đào tạo và sử dụng nhân lực được thực hiện theo quy trình phù hợp có tính kế hoạch cụ thể và đạt được kết quả tích cực..
- Sửa đổi, xây dựng mới và ban hành một số quy chế, điều lệ, quy định quản lý nội bộ đã góp phần tích cực, nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý của Công ty.
- Công tác đào tạo nhân lực được quan tâm đầu tư kinh phí, lập kế hoạch và thực hiện tốt một số khoá đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ lãnh đạo và CB CNV. Các phòng, ban và đơn vị đã quan tâm thực hiện công tác đào tạo tại chỗ theo định hướng của Công ty.
- Công tác thi đua khen thưởng tiếp tục được chú trọng và thực hiện ngày một tốt hơn.

b. Đảm bảo việc làm, thu nhập, thực hiện chính sách đối với CB CNV

- Mặc dù trong điều kiện hết sức khó khăn của nền kinh tế, việc cạnh tranh gay gắt để tìm kiếm việc làm, trong năm 2022 Công ty vẫn đáp ứng đủ việc làm cho hầu hết cán bộ công nhân viên, điều kiện làm việc tiếp tục được quan tâm và cải thiện tích cực.
- Thu nhập và đời sống CB CNV được quan tâm và nâng cao thông qua tiền lương, tiền thưởng, mức thu nhập bình quân toàn Công ty đạt 8.450.702 đồng/người/tháng,
- Các chính sách, chế độ của người lao động được quan tâm và giải quyết kịp thời, quyền lợi được đảm bảo.

c. Các mặt công tác khác

- Các mặt công tác khác như: Tài chính kế toán, Kỹ thuật công nghệ, Quản lý vật tư thiết bị được triển khai đồng bộ có tính kế hoạch cao và đạt hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tăng cường công tác quản lý, giáo dục CBCNV có ý thức chấp hành nghiêm túc chủ trương đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước, điều lệ của Công ty. Nâng cao ý thức trách nhiệm và kỷ luật cho toàn thể nhân viên trong Công ty.
- Tập trung chỉ đạo công tác thu hồi vốn các công trình đã thi công xong, hoàn thiện hồ sơ pháp lý thanh quyết toán để làm cơ sở thu hồi vốn giảm lãi vay ngân hàng.
- Quản lý thanh quyết toán cho các đội công trình đúng theo quy chế đã ban hành, kịp thời đúng chế độ
- Công tác quản lý tài chính công khai, minh bạch, kiểm toán kịp thời vào thời điểm kết thúc năm tài chính góp phần duy trì tài chính Công ty lành mạnh và ổn định.
- Lãnh đạo công ty đã quan tâm triệt để đến công tác an toàn lao động, chỉ đạo Ban an toàn lao động công ty thực hiện đầy đủ các quy định về công tác an toàn, tổ chức cho các CBCNV đi công tác các công trình được học tập đầy đủ các bước an toàn trước khi làm việc. Xây dựng mạng lưới an toàn viên từ công ty đến các đội công trình, tổ sản xuất, thường xuyên cử các cán bộ an toàn tham gia các khoá đào tạo về an toàn, đặc biệt là công tác an toàn trong lĩnh vực thí nghiệm điện và kiểm tra mối hàn bằng phương pháp không phá huỷ NDT. Thường xuyên tổ chức các đoàn kiểm tra về công tác ATLĐ tại các công trình. Tổ chức thực hành các trường hợp khẩn cấp đặc biệt với công tác NDT tại các công trình mà công ty tham gia xây dựng.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022
1	Cơ cấu tài sản - Tài sản dài hạn/Tổng tài sản - Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	16.17% 83.83%
2	Cơ cấu nguồn vốn - Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn - Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	76.45% 23.55%
3	Khả năng thanh toán - Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả - TS ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn - Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	1.31 1.1 0.023
4	Tỷ suất lợi nhuận a. Lợi nhuận/doanh thu - LN trước thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác - LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+th nhập khác b. Lợi nhuận/Tổng tài sản - LN trước thuế/Tổng tài sản - LN sau thuế/Tổng tài sản c. Lợi nhuận sau thuế/ Nguồn vốn CSH	0.94% 0.31% 0.03% 0.01% 0.04%

- Phân tích các hệ số phù hợp trong khu vực kinh doanh.

- Hệ số thanh toán: Tổng tài sản/tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2022 là 1,31>1, chứng tỏ tình hình tài chính là an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán các khoản nợ, tuy nhiên hệ số thanh toán:tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/tổng nợ ngắn hạn tương đối thấp do đặc thù của ngành xây lắp giá trị sản phẩm dở dang chiếm tỷ trọng lớn trong hàng tồn kho chủ yếu là các công trình xây dựng, lắp đặt chưa quyết toán.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy; hệ số lợi nhuận sau thuế/doanh thu thuần đạt 0.31%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu đạt 0.004%, hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản đạt 0.001%.
- Như vậy các hệ số của Công ty so với các doanh nghiệp cùng ngành lắp máy là tương đối tốt.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, kiểm tra của hội đồng quản trị, năng lực điều hành của ban giám đốc cũng như đảm bảo sự độc lập tương đối giữa 2 bộ máy này, trong năm 2022 với sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông, công ty tách riêng giữa quản trị công ty và bộ máy điều hành. Chính sự tách biệt này đã giúp cho công tác kiểm tra giám sát chặt chẽ mọi hoạt động SXKD và đưa ra các quyết định, chính sách kịp thời. Cũng trong năm 2022, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số

quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn như: Quy chế khoán sản phẩm và các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao vật tư; quy chế quản lý và sử dụng quỹ phúc lợi, quy định về quản lý nhân lực...

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

4.1. Nhiệm vụ kế hoạch trọng tâm năm 2023:

a. Đối với công tác tổ chức và quản lý:

- Tiếp tục nâng cao năng lực quản lý của hệ thống toàn Công ty, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, không ngừng kiện toàn bộ máy quản lý lãnh đạo tại Công ty.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược phát triển Công ty, thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo năm 2022, nội dung và hình thức đào tạo phong phú đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho công tác quản lý và điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ, áp dụng đồng bộ với quy trình quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.- Quan tâm chính sách đối với người lao động, xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các công trường trọng điểm góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

b. Trong lĩnh vực SXKD

- Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính, khả năng thu xếp vốn của bên A, xây dựng và điều hành tốt kế hoạch hàng kỳ. Tiếp tục nâng cao năng lực công tác thị trường -Marketing cho lĩnh vực sxkd cả trong nước và nước ngoài, thực hiện tốt các hợp đồng, các dự án có hàm lượng kỹ thuật cao.
- Khai thác hiệu quả các thiết bị, công nghệ đã đầu tư, đánh giá ưu và nhược điểm, xây dựng kế hoạch đầu tư bổ sung cho giai đoạn tiếp theo.
- Tiếp tục cải tiến các nội dung quản lý để kiểm soát tốt về tiến độ, chất lượng sản phẩm do Công ty thực hiện.
- Nâng cao khả năng phân tích, dự báo để lập kế hoạch và thực hiện thu mua, vật tư, thiết bị do bên A cung cấp.
- Thúc đẩy việc nâng cao năng lực, quy mô SXKD của các đơn vị, các tồn tại, yếu kém trong SXKD cần phải sớm được khắc phục.

4.2. Các chỉ tiêu cơ bản kế hoạch năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023(Đồng)
1	Giá trị sản xuất kinh doanh	67.670.000.000
2	Tổng doanh thu	50.609.000.000
3	Lợi nhuận	759.000.000
4	Nộp ngân sách	3.784.000.000
5	Thu nhập bình quân	8.463.000
6	Đầu tư máy móc, thiết bị	10.000.000.000

4.3 Các giải pháp nhằm đảm bảo thực hiện thắng lợi mục tiêu KH năm 2023:

Trên cơ sở đánh giá phân tích, Ban lãnh đạo Công ty nhận định năm 2023 tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung, Công ty nói riêng sẽ còn tiếp diễn những khó khăn. Để hoàn thành được các nhiệm vụ và đạt được các mục tiêu kế hoạch năm 2023 đã đặt ra Công ty cần tiến hành đồng thời một số giải pháp nhằm chủ động ứng biến, trong đó giải pháp tổng quát cho mục tiêu phát triển như sau:

- Một là: Cập nhật và nắm bắt kịp thời diễn biến thực tế của nền kinh tế và các chính sách của Nhà nước để có dự báo phù hợp, từ đó có sự điều chỉnh kế hoạch hàng kỳ theo kế hoạch tổng quát năm, chủ động tránh các rủi ro có thể xảy ra.
- Hai là: Hoàn thiện mô hình tổ chức trong Công ty, tiếp tục kiện toàn bộ máy tại các đơn vị, tối ưu hóa việc sản xuất, kinh doanh theo hướng tăng năng suất chất lượng, tiết kiệm và kiểm soát tốt chi phí nhằm giảm tối đa chi phí, tăng sức cạnh tranh cho sản phẩm.
- Ba là: Phát huy yếu tố con người là trung tâm của mọi hoạt động, là nguồn lực quyết định cho sự thành công và phát triển bền vững của Công ty.

a. Nhóm giải pháp cho công tác tổ chức quản lý:

- Xây dựng chính sách khoa học phù hợp đối với người lao động để phát huy năng lực làm việc của CBCNV cũng như thu hút, bổ sung lao động có chất lượng cao.
- Thực hiện tốt hơn công tác tuyển dụng, đào tạo, đào tạo tại chỗ, bổ nhiệm những người có năng lực vào vị trí nhân sự chủ chốt tại Công ty và các đơn vị đáp ứng yêu cầu phát triển.
- Triển khai tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua đến người lao động có cơ hội phát huy hết những năng lực của mình.

b. Nhóm các giải pháp cho hoạt động SXKD:

- Tập trung thu hồi vốn đối với những công nợ phải thu đã đến hạn.

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cung cấp vốn cho nhu cầu sản xuất
- Công ty phải chủ động thường xuyên rà soát lại danh mục hợp đồng xây lắp và kiểm tra, thí nghiệm để ưu tiên cho những hợp đồng có thể thu hồi vốn nhanh, chủ động đàm phán với các chủ đầu tư về tiến độ đối với các hợp đồng đang gặp khó khăn về vốn.
- Bổ sung nhân sự và làm tốt công tác nghiên cứu thị trường, phân tích lựa chọn thị trường, lợi thế, mở rộng thị trường, chiến lược sản phẩm cho mỗi lĩnh vực kinh doanh.
- Sử dụng hiệu quả các thiết bị công nghệ đã đầu tư để nâng cao chất lượng, rút ngắn thời gian thi công, tiết kiệm chi phí nhân công, nâng cao hình ảnh của Công ty với các chủ đầu tư tăng sức cạnh tranh .
- Quy định trách nhiệm đối với đơn vị, cá nhân về chất lượng công trình bàn giao cho bên A, đảm bảo quản lý chất lượng tất cả các công trình do Công ty thực hiện.

c. Nhóm các giải pháp về đầu tư và hợp tác đầu tư:

- Lập kế hoạch tài chính dài hạn, trung hạn, ngắn hạn nhằm chủ động cho kế hoạch đầu tư.
- Phân tích, nghiên cứu cơ hội đầu tư, hợp tác đầu tư - Mở rộng đầu tư có chọn lọc trong lĩnh vực đang đầu tư và lĩnh vực mới có đủ điều kiện, phát huy lợi thế và hiệu quả cao.
- Hợp tác đầu tư với đơn vị đối tác trong và ngoài nước có tiềm năng nhằm nâng cao năng lực quản trị, tận dụng phát huy công nghệ, vốn và lợi thế của đối tác.

Trong bối cảnh nền kinh tế Việt Nam, kinh tế khu vực có nhiều biến động phức tạp và khó lường, thị trường việc làm ngày càng thu hẹp, mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch 2022 của Công ty đề ra là rất lớn. Phát huy thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua, với tinh thần Đoàn kết - Năng động và Sáng tạo, tập thể Ban lãnh đạo cùng CB CNV toàn Công ty sẽ nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thử thách quyết tâm hoàn thành thắng lợi mục tiêu kế hoạch năm 2022 đã đề ra.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Do đơn vị kiểm toán được bổ nhiệm sau ngày 31/12/2022(Thay thế đơn vị kiểm toán trước không được kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng) nên kiểm toán viên không tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho của Công ty vào thời điểm 01/01/2022 và 31/12/2022 nên kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại này.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

Công ty luôn thực hiện tốt các quy định của nhà nước và địa phương trong việc bảo vệ môi trường. Đặc biệt, các công trình thi công tại nhà máy tiết kiệm năng lượng, giữ gìn và bảo vệ môi trường

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Đảm bảo quyền lợi của người lao động như luật an toàn vệ sinh lao động, thực hiện chế độ thời giờ làm việc và nghỉ ngơi. Công ty hướng tới việc xây dựng môi trường làm việc tốt nhất cho người lao động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn chấp hành tốt mọi quy định về luật bảo vệ môi trường.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Năm 2022 là năm có nhiều khó khăn và thử thách đối với các doanh nghiệp nói chung và Công ty Cổ phần Lắp máy – Thí nghiệm Cơ điện nói riêng. Với sự chỉ đạo sáng tạo và linh hoạt của ban lãnh đạo Công ty, sự điều hành có tính kế hoạch cao và hiệu quả của hệ thống quản lý, sự đoàn kết thống nhất các mục tiêu và sự tin tưởng, nỗ lực cố gắng của các đơn vị toàn Công ty.

Công tác đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đã đáp ứng tốt cho tất cả nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Tuy công tác thu hồi vốn trong năm đã gặp không ít những khó khăn từ phía chủ đầu tư nhưng các khoản thanh toán cho tất cả các đối tượng công nợ đều được kịp thời. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Trong tình hình khó khăn đã dự báo và dự đoán được một số tình hình và tập hợp được sức mạnh của phần lớn cán bộ nên công việc của Công ty được giải quyết 1 cách nhanh chóng và hiệu quả hơn. Bước đầu đã giải quyết được một số vấn đề tồn tại. Hoạt động của BGD đúng theo theo sự chỉ đạo, điều lệ công ty. BGD chỉ đạo sản xuất kinh doanh đúng theo nghị quyết hội đồng quản trị đưa ra. BGD đã triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết của HĐQT, thực hiện đúng theo chính sách của pháp luật trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh những cố gắng trên còn một số vấn đề cần quan tâm như: Cần kiên quyết hơn trong điều hành với mục tiêu đề ra và phân công, phân cấp kiểm tra công việc đảm bảo cho bộ máy hoạt động hiệu quả hơn.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2023 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả và sức mạnh mà Công ty đã giành được trong những năm qua. Công ty sẽ có nhiều điều kiện thuận lợi, cơ hội để tiếp tục đầu tư, xây dựng và phát triển, đồng thời Công ty sẵn sàng đối mặt với những khó khăn, thách thức do ảnh hưởng của nền kinh tế mang lại, khắc phục khó khăn nội tại của Công ty, vận dụng thời cơ trong hoạt động SXKD và đầu tư để tiếp tục tăng trưởng, tiếp tục thành công.

Năm 2023 Công ty tập trung vào 3 mục tiêu lớn là:

- Tạo đủ công ăn việc làm cho CB CNV, tăng trưởng ổn định, kiểm soát tốt tình hình tài chính.
- Thực hiện đầu tư và hợp tác đầu tư thận trọng, hiệu quả.
- Hoàn thành xây dựng chiến lược Công ty, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị của hệ thống, tiếp tục thực hiện tốt công tác tuyển dụng, đào tạo cùng với việc xây dựng văn hóa Công ty để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu hiện tại và phát triển giai đoạn tiếp theo.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2022(chốt ngày 09/03/2023)	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lê Văn Định	Chủ tịch HĐQT	10.633	0.71
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	45.555	3.04
3	Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT	286.350	19.09
4	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4.844	0.32
5	Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT	5.000	0.33

Hội đồng quản trị gồm 05 thành viên, trong đó: 01 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

HĐQT không thành lập các tiểu ban

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Năm 2022 thường xuyên theo dõi, giám sát chặt chẽ sự chỉ đạo điều hành của Ban Tổng Giám Đốc tuân thủ theo đúng điều lệ của Công ty và pháp luật của Nhà nước, đôn đốc thực hiện việc chỉ đạo SXKD đúng với nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của HĐQT

- Các cuộc họp của Hội đồng quản trị:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Lê Văn Định	CT HĐQT		11	100%	
2	Ông Hoàng Văn Lít	TV HĐQT		11	100%	
3	Ông Vũ Hoàng Tùng	TV HĐQT		11	100%	
4	Ông Vũ Anh Tuấn	TV HĐQT		11	100%	
5	Ông Nguyễn Sỹ Thành	TV HĐQT		11	100%	

- Các nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	29/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	- Kết quả thực hiện SXKD quý 1 năm 2022 - Kế hoạch SXKD quý 2 năm 2022
2	30/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	- Gia hạn thời gian tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.
3	31/2022/NQ-HĐQT	28/03/2022	- Ngày đăng ký cuối cùng vào 22/04/2022 để lập danh sách chứng khoán - Dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên vào ngày 24/05/2025
4	36/2022/NQ-HĐQT	07/04/2022	- Thống nhất việc nâng lên ngạch bậc lương cho ông Lê Văn Định giữ chức Chủ tịch HĐQT
5	47/2022/NQ-HĐQT	11/05/2022	- Nội dung tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 - Thống nhất về chủ trương xem xét việc triển khai Dự án điện mặt trời áp mái Hải Dương - Thống nhất về chủ trương xem xét đầu tư máy móc thiết bị phục vụ SXKD
6	70/2022/NQ-HĐQT	01/07/2022	- Thống nhất việc phê duyệt dự án đầu tư mua sắm thiết bị, máy móc - thuộc dự án đầu tư số 01-2022
7	72/2022/NQ-HĐQT	04/07/2022	- Thống nhất phê duyệt kế hoạch gói thầu cung cấp thiết bị của dự án số 01-2022
8	74/2022/NQ-HĐQT	11/07/2022	- Kết quả thực hiện SXKD quý 2 năm 2022 - Kế hoạch SXKD quý 3 năm 2022
9	96/2022/NQ-HĐQT	19/09/2022	- Thống nhất chủ trương thanh lý 6 nguồn phóng xạ
10	106/2022/NQ-HĐQT	24/10/2022	- Kết quả thực hiện SXKD quý 3 năm 2022 - Kế hoạch SXKD quý 4 năm 2022

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

2. Ban kiểm soát

+ Tỷ lệ sở hữu cổ phần:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2022	
			Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Lê Tuấn Anh	Trưởng BKS	2.000	0.13
2	Lê Thúy Hồng	Thành viên BKS	0	0
3	Trần Thị Điệp	Thành viên BKS	0	0

+ Hoạt động của Ban kiểm soát: Ban kiểm soát đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định nhằm kiểm tra, giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty. Các công việc cụ thể thực hiện:

- Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ, đã phân công cho các thành viên theo dõi, giám sát việc thực hiện từng mặt công tác theo các lĩnh vực hoạt động và điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh, các quy chế, quy trình, các nghị quyết, quyết định.

- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính 4 quý năm 2022 của Công ty, báo cáo tài chính bán niên năm 2022 đã được soát xét và báo cáo tài chính năm 2022 đã kiểm toán của công ty kiểm toán.

- Tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị Công ty.

- Theo dõi tình hình qua các nghị quyết, quyết định, kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế hoạt động của HĐQT, Ban điều hành, quy trình nghiệp vụ của Công ty.

- Giám sát hoạt động và việc tuân thủ theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty đối với HĐQT, Ban Tổng giám đốc, người quản lý trong việc quản lý và điều hành Công ty.

Ban kiểm soát gồm 03 thành viên, trong đó : cả 03 thành viên hoạt động độc lập không tham gia điều hành

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

3.1 Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 (ngày 24/05/2023) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Tiền lương một tháng của Chủ tịch HĐQT 24.700.000 đồng, thành viên HĐQT 5.500.000 đồng, Trưởng ban kiểm soát 14.500.000 đồng, thành viên Ban kiểm soát 3.000.000 đồng

STT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao/năm 2022	Tiền lương/năm 2022	Ghi chú
1	Lê Văn Định	Chủ tịch Hội đồng quản trị	296.400.000		
2	Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT	66.000.000	216.000.000	
3	Nguyễn Thành Đại	Phó TGĐ		204.000.000	
4	Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng	66.000.000	204.000.000	
5	Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	66.000.000	168.000.000	
6	Vũ Thị Thu Hoài	Thư ký HĐQT	30.000.000	70.066.182	
7	Lê Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	174.000.000		
8	Lê Thúy Hồng	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000		
9	Trần Thị Diệp	Thành viên Ban kiểm soát	36.000.000	64.344.000	
	Tổng cộng		770.400.000	926.410.182	

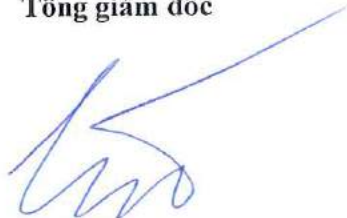
3.2 Giao dịch cổ phần của giao dịch nội bộ và những người có liên quan

S T T	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng,...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	

VI- Báo cáo Tài Chính: (đính kèm)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

TM. Ban Tổng giám đốc
Tổng giám đốc



Hoàng Văn Lít

TM. Hội đồng quản trị
Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Định

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, KẾ TOÁN TRƯỞNG VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Văn Định	Chủ tịch
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Văn Lít	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hoàng Tùng	Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lê Tuấn Anh	Trưởng ban
Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên
Bà Trần Thị Diệp	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hoàng Văn Lít
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

Số: 100423.005/BCTC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện được lập ngày 10 tháng 04 năm 2023, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm cơ điện vào năm 2023, do đó chúng tôi không thể tham gia chứng kiến việc kiểm kê thực tế hàng tồn kho tại thời điểm đầu năm và cuối năm. Các thủ tục kiểm toán thay thế cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để có thể đánh giá được tính hiện hữu, chính xác, đầy đủ cũng như giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với các số dư hàng tồn kho tại ngày 01/01/2022 và 31/12/2022 với giá trị lần lượt là 30,26 tỷ VND và 21,38 tỷ VND.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Lắp máy - Thiết bị Cơ điện đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại báo cáo số 251/BCKT/TC ngày 16 tháng 03 năm 2022.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biền

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2023-002-1

Ngô Hoàng Hà

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 3999-2023-002-1

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		110.329.708.841	118.611.082.195
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	2.299.221.132	1.540.009.145
111	1. Tiền		2.299.221.132	1.540.009.145
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		86.653.679.182	85.906.451.039
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	73.630.809.495	73.031.039.108
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	11.895.271.407	12.277.899.974
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	4.587.639.763	4.057.553.440
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(3.460.041.483)	(3.460.041.483)
140	IV. Hàng tồn kho	9	21.376.808.527	30.254.159.435
141	1. Hàng tồn kho		21.380.324.527	30.257.675.435
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.516.000)	(3.516.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		-	910.462.576
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	910.462.576
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		21.285.582.238	22.477.906.058
220	II. Tài sản cố định		20.664.976.619	21.788.846.953
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	4.397.350.242	5.521.220.576
222	- Nguyên giá		44.718.123.040	44.072.158.225
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(40.320.772.798)	(38.550.937.649)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	16.267.626.377	16.267.626.377
228	- Nguyên giá		16.267.626.377	16.267.626.377
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	500.000.000	500.000.000
255	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		500.000.000	500.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		120.605.619	189.059.105
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	120.605.619	189.059.105
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		131.615.291.079	141.088.988.253

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	(Đã điều chỉnh) VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		100.620.025.043	109.510.248.464
310	I. Nợ ngắn hạn		100.325.015.043	108.882.358.464
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	4.480.855.309	2.949.166.608
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		156.478.170	352.122.741
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.146.988.728	4.813.851.779
314	4. Phải trả người lao động		2.525.602.830	1.808.084.040
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	8.129.792.130	10.651.464.130
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	16	540.000.000	540.000.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	30.618.805.771	33.799.652.520
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	52.726.492.105	50.789.571.971
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	3.178.444.675
330	II. Nợ dài hạn		295.010.000	627.890.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	295.010.000	627.890.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		30.995.266.036	31.578.739.789
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	30.995.266.036	31.578.739.789
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		15.000.000.000	15.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		15.000.000.000	15.000.000.000
414	2. Vốn khác của chủ sở hữu		740.110.441	740.110.441
415	3. Cổ phiếu quỹ		(544.500)	(544.500)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		9.179.654.679	8.735.125.996
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.076.045.416	7.104.047.852
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.949.289.650	5.325.933.120
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		126.755.766	1.778.114.732
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		131.615.291.079	141.088.988.253



Lê Thị Chi
Người lập



Vũ Hoàng Tùng
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Lít
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	38.118.264.211	107.054.740.722
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		38.118.264.211	107.054.740.722
11	4. Giá vốn hàng bán	22	28.163.696.026	92.302.533.711
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		9.954.568.185	14.752.207.011
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	37.695.991	60.745.006
22	7. Chi phí tài chính	24	4.193.119.211	4.464.497.198
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>4.193.119.211</i>	<i>4.286.745.683</i>
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.694.317.224	8.021.123.481
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(895.172.259)	2.327.331.338
31	11. Thu nhập khác	26	2.153.182.088	599.629.161
32	12. Chi phí khác	27	879.652.097	246.693.184
40	13. Lợi nhuận khác		1.273.529.991	352.935.977
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		378.357.732	2.680.267.315
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	251.601.966	902.152.583
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		126.755.766	1.778.114.732
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	76	1.067

LTC

[Signature]



Lê Thị Chi
Người lập

Vũ Hoàng Tùng
Kế toán trưởng

Hoàng Văn Lít
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		37.322.849.253	87.730.328.515
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(15.497.779.771)	(73.901.028.724)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11.501.592.971)	(21.294.799.762)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(4.193.119.211)	(4.286.745.683)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.389.852.313)	(249.993.452)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	17.764.729.355
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4.977.064.310)	(12.964.727.668)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(236.559.323)</i>	<i>(7.202.237.419)</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(645.964.815)	(44.650.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	1.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		36.290.742	60.745.006
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(609.674.073)</i>	<i>17.095.006</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		58.030.874.521	56.299.015.899
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(56.426.834.387)	(57.307.919.758)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>1.604.040.134</i>	<i>(1.008.903.859)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		757.806.738	(8.194.046.272)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		1.540.009.145	9.734.657.397
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.405.249	(601.980)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>2.299.221.132</u>	<u>1.540.009.145</u>


Lê Thị Chi
Người lập

Vũ Hoàng Tùng
Kế toán trưởng


Hoàng Văn Lít
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Lắp máy - Thí nghiệm Cơ điện được thành lập từ việc cổ phần hóa Công ty Lắp máy và Thí nghiệm Cơ điện thuộc Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam theo Quyết định số 54/QĐ-BXD ngày 08/01/2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu số 0100106458 ngày 05/03/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 14/05/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 15.000.000.000 VND, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 15.000.000.000 VND; trong đó 1.500.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 88 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 113 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ xây lắp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sửa chữa máy móc, thiết bị; Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác; Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Xây dựng nhà để ở; Xây dựng nhà không để ở; Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình đường bộ; Xây dựng công trình công ích khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác; Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2021, Công ty đã hoàn thành bàn giao và ghi nhận toàn bộ doanh thu của dự án "Điện mặt trời mái nhà". Trong năm 2022, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, Công ty vẫn tiếp tục thi công các công trình ký kết với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam và các đối tác khác, tuy nhiên các hợp đồng này có thời gian thi công kéo dài dẫn đến doanh thu sụt giảm 64,39% so với năm trước.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.5 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.7 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo giá đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 20 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
- Quyền sử dụng đất không thời hạn	Không trích khấu hao

2.10 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Chi phí trả trước của Công ty là Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 01 năm đến 03 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí phải trả các công trình xây dựng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng bảo hành công trình được trích lập dựa trên đặc điểm của từng công trình và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về thời gian và chi phí bảo hành thực tế.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm tài chính.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước từ số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và phải xử lý ghi giảm vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Điều 36 của Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 06/12/2019, trừ các trường hợp được pháp luật cho phép bán ra ngay sau khi mua lại hoặc xử lý số dư cổ phiếu quỹ đã mua trước ngày 01/01/2021.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức Đại hội đồng Cổ đông thường niên của Công ty thông qua và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí lãi vay.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

c) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Do hoạt động trong lĩnh vực xây lắp chủ yếu tại lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3 . TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	256.617.774	736.079.093
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.042.603.358	803.930.052
	<u>2.299.221.132</u>	<u>1.540.009.145</u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn là khoản đầu tư Trái phiếu của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với giá gốc 500.000.000 VND, lãi suất thả nổi, ngày đáo hạn là ngày 24/12/2027.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>28.297.431.966</i>	<i>(1.344.794.631)</i>	<i>30.213.246.908</i>	<i>(1.344.794.631)</i>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	21.312.856.777	-	23.992.576.280	-
Công ty Cổ phần Lilama 69-1	4.730.041.295	-	4.266.867.724	-
Công ty Cổ phần Lilama 45-4	73.336.300	(73.336.300)	73.336.300	(73.336.300)
Công ty Cổ phần Lilama 18	343.395.490	-	42.664.500	-
Công ty Cổ phần Lilama 45-3	360.932.000	(360.932.000)	360.932.000	(360.932.000)
Công ty Cổ phần Lilama 5	830.472.447	(830.472.447)	830.472.447	(830.472.447)
Công ty Cổ phần Lilama 7	646.397.657	(80.053.884)	646.397.657	(80.053.884)
<i>Bên khác</i>	<i>45.333.377.529</i>	<i>(2.115.246.852)</i>	<i>42.817.792.200</i>	<i>(2.115.246.852)</i>
Công ty TNHH Hiếu Trâm	6.285.501.000	-	6.285.501.000	-
Công ty TNHH Khánh Hòa Solar Energy	14.470.000.000	-	14.470.000.000	-
Công ty TNHH QTS Khánh Hòa	9.260.501.000	-	9.260.501.000	-
Công ty TNHH Thịnh Cường	6.465.000.000	-	6.465.000.000	-
Phải thu khách hàng khác	8.852.375.529	(2.115.246.852)	6.336.790.200	(2.115.246.852)
	<u>73.630.809.495</u>	<u>(3.460.041.483)</u>	<u>73.031.039.108</u>	<u>(3.460.041.483)</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác không phải bên liên quan</i>				
Công ty Cổ phần Nguồn lực Nam Việt	238.048.651	-	238.048.651	-
Công ty Cổ phần Tài nguyên Cấp Quốc tế	11.524.708.736	-	11.524.708.736	-
Trả trước cho người bán khác	132.514.020	-	515.142.587	-
	11.895.271.407	-	12.277.899.974	-

7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<i>Chi tiết theo nội dung</i>				
Tạm ứng	3.789.674.485	-	3.223.973.758	-
Phải thu khác	797.965.278	-	833.579.682	-
	4.587.639.763	-	4.057.553.440	-
<i>Chi tiết theo đối tượng</i>				
<i>Bên liên quan</i>				
Ông Vũ Anh Tuấn	10.906.873	-	26.655.273	-
	10.906.873	-	26.655.273	-
<i>Bên khác</i>				
Ông Chu Tất Thắng	1.070.202.826	-	1.070.202.826	-
Ông Trần Thọ Hiếu	474.168.121	-	233.457.588	-
Ông Trần Trung Hiếu	649.788.778	-	649.788.778	-
Đối tượng khác	2.382.573.165	-	2.077.448.975	-
	4.587.639.763	-	4.057.553.440	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Đá trắng Yên Bình	1.152.900.680	-	1.152.900.680	-
- Công ty Cổ phần Lilama 45-3	360.932.000	-	360.932.000	-
- Công ty Cổ phần Lilama 5	830.472.447	-	830.472.447	-
- Công ty TNHH Xuân Hiếu	324.419.200	-	324.419.200	-
- Các khoản khác	1.626.263.924	834.946.768	1.626.263.924	834.946.768
	<u>4.294.988.251</u>	<u>834.946.768</u>	<u>4.294.988.251</u>	<u>834.946.768</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	97.611.820	(3.516.000)	97.611.820	(3.516.000)
Công cụ, dụng cụ	22.791.272	-	22.791.272	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	21.259.921.435	-	30.137.272.343	-
	<u>21.380.324.527</u>	<u>(3.516.000)</u>	<u>30.257.675.435</u>	<u>(3.516.000)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu kỳ	4.552.716.170	35.372.701.413	3.108.894.407	160.417.664	877.428.571					44.072.158.225		
- Mua trong kỳ	-	645.964.815	-	-	-	-	-	-	-	645.964.815		
Số dư cuối kỳ	4.552.716.170	36.018.666.228	3.108.894.407	160.417.664	877.428.571					44.718.123.040		
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu kỳ	3.137.597.158	31.607.263.702	2.777.681.981	160.417.664	867.977.144					38.550.937.649		
- Khấu hao trong kỳ	-	1.769.835.149	-	-	-	-	-	-	-	1.769.835.149		
Số dư cuối kỳ	3.137.597.158	33.377.098.851	2.777.681.981	160.417.664	867.977.144					40.320.772.798		
Giá trị còn lại	1.415.119.012	3.765.437.711	331.212.426	-	9.451.427					5.521.220.576		
Tại ngày đầu kỳ	1.415.119.012	2.641.567.377	331.212.426	-	9.451.427					4.397.350.242		
Tại ngày cuối kỳ	1.415.119.012	2.641.567.377	331.212.426	-	9.451.427					4.397.350.242		

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 789.506.428 VND.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.535.946.702 VND.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là quyền sử dụng đất có giá trị là 16.267.626.377 VND tại số 434 và số 436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội theo Hợp đồng mua bán nhà và chuyển quyền sử dụng đất ngày 31/12/2007 với tổng diện tích 341,2 m². Theo đó, toàn bộ là quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên Công ty không thực hiện trích khấu hao đối với tài sản cố định vô hình nêu trên. Trong đó, Quyền sử dụng đất tại số đường 436 Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội có diện tích 233,4 m² đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An (Xem thuyết minh số 18).

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	120.605.619	189.059.105
	120.605.619	189.059.105

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022 (Đã điều chỉnh)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	<i>78.600.000</i>	<i>78.600.000</i>	<i>39.600.000</i>	<i>39.600.000</i>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	78.600.000	78.600.000	39.600.000	39.600.000
<i>Bên khác</i>	<i>4.402.255.309</i>	<i>4.402.255.309</i>	<i>2.909.566.608</i>	<i>2.909.566.608</i>
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Sao Mai Việt Nam	23.639.200	23.639.200	627.890.800	627.890.800
Công ty Cổ phần Nghiên cứu và thí nghiệm điện	2.353.968.005	2.353.968.005	275.108.086	275.108.086
Công ty Cổ phần Lilama 3	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354	1.240.824.354
Phải trả nhà cung cấp khác	783.823.750	783.823.750	765.743.368	765.743.368
	4.480.855.309	4.480.855.309	2.949.166.608	2.949.166.608

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ		Số phải nộp đầu kỳ		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		3.172.595.333		1.215.295.952		3.709.062.385		-		678.828.900	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-		1.556.270.021		300.529.724		1.438.780.071		-		418.019.674	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		84.986.425		136.707.084		171.553.355		-		50.140.154	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		-		167.868.715		167.868.715		-		-	
	-		4.813.851.779		1.820.401.475		5.487.264.526		-		1.146.988.728	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆNSố 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn -
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Trích trước chi phí tiền lương trong thời gian nghỉ phép	147.649.000	363.131.000
- Chi phí tiền đồng phục	-	276.250.000
- Chi phí phải trả các công trình xây dựng	7.982.143.130	10.012.083.130
	<u>8.129.792.130</u>	<u>10.651.464.130</u>

16 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động cho thuê tài sản	540.000.000	540.000.000
	<u>540.000.000</u>	<u>540.000.000</u>

17 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2022</u>	<u>01/01/2022</u>
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	2.989.645.286	2.270.523.221
- Bảo hiểm y tế	267.945.427	390.497.068
- Bảo hiểm thất nghiệp	79.597.881	142.976.817
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả (*)	1.858.939.362	1.408.955.862
- Phải trả các đội công trình	19.432.948.326	24.783.365.409
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.989.729.489	4.803.334.143
	<u>30.618.805.771</u>	<u>33.799.652.520</u>
b) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan		
- Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	651.216.120	488.412.090
	<u>651.216.120</u>	<u>488.412.090</u>

(*) Khoản cổ tức phải trả từ năm 2018 đến năm 2021 chưa trả cho các Cổ đông.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

18 . VAY

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An	49.971.754.971	49.971.754.971	58.030.874.521	55.609.017.387	52.393.612.105	52.393.612.105
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An	49.971.754.971	49.971.754.971	58.030.874.521	55.609.017.387	52.393.612.105	52.393.612.105
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An	817.817.000	817.817.000	332.880.000	817.817.000	332.880.000	332.880.000
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An	817.817.000	817.817.000	332.880.000	817.817.000	332.880.000	332.880.000
	50.789.571.971	50.789.571.971	58.363.754.521	56.426.834.387	52.726.492.105	52.726.492.105
b) Vay dài hạn						
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Trảng An	1.445.707.000	1.445.707.000	-	817.817.000	627.890.000	627.890.000
	1.445.707.000	1.445.707.000	-	817.817.000	627.890.000	627.890.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(817.817.000)	(817.817.000)	(332.880.000)	(817.817.000)	(332.880.000)	(332.880.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	627.890.000	627.890.000			295.010.000	295.010.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202200456 ngày 29/06/2022, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 60.000.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
- + Thời hạn của hợp đồng: 12 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ: 52.393.612.105 VND;
- + Tài sản đảm bảo: Xe Toyota biển số 30A-314.49; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất tại số 436 đường Nguyễn Trãi, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay dài hạn bao gồm 2 hợp đồng tín dụng sau:

Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202000820 ngày 11/12/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 1.924.125.000 VND;
- + Mục đích vay: Mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (Dự án đầu tư số 01-2019);
- + Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 113.740.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 75.840.000 VND;
- + Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

Hợp đồng tín dụng số 1305-LAV-202000299 ngày 09/06/2020, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 4.019.981.000 VND;
- + Mục đích vay: Mua sắm thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty (Dự án đầu tư số 01-2020);
- + Thời hạn của hợp đồng: 48 tháng;
- + Lãi suất cho vay: được ghi cụ thể trên từng Giấy nhận nợ;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối kỳ là 514.150.000 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 257.040.000 VND;
- + Tài sản đảm bảo: Toàn bộ máy móc thiết bị thuộc dự án. Các thỏa thuận về biện pháp bảo đảm được ghi nhận và thực hiện theo các Hợp đồng bảo đảm được giao kết trước ngày, cùng ngày hoặc sau ngày của Hợp đồng này và khoản vay đã được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn - quận Nam Từ Liêm - thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Vốn khác của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối		Cộng
	VND	VND	VND	VND			VND	VND	
Số dư đầu kỳ trước	15.000.000.000	740.110.441			(544.500)	7.987.342.475	6.822.813.549	30.549.721.965	
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	1.778.114.732	1.778.114.732	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	747.783.521	(1.496.880.429)	(749.096.908)	
Số dư cuối kỳ trước	15.000.000.000	740.110.441			(544.500)	8.735.125.996	7.104.047.852	31.578.739.789	
Số dư đầu kỳ này	15.000.000.000	740.110.441			(544.500)	8.735.125.996	7.104.047.852	31.578.739.789	
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	126.755.766	126.755.766	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	444.528.683	(1.072.323.656)	(627.794.973)	
Giảm khác (*)	-	-	-	-	-	-	(82.434.546)	(82.434.546)	
Số dư cuối kỳ này	15.000.000.000	740.110.441			(544.500)	9.179.654.679	6.076.045.416	30.995.266.036	

(*) Là khoản giảm do Công ty giảm Lợi nhuận sau thuế các năm trước bù đắp cho các khoản thuế phải nộp thêm theo Quyết định xử phạt VPHC về thuế ngày 25/05/2022.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 51/2022/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/05/2022 Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Số tiền
Trích Quỹ đầu tư phát triển	VND
	444.528.683
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	177.811.473
Chi trả cổ tức	449.983.500

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn -
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu kỳ
		VND		VND
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	36,183%	5.427.500.000	36,183%	5.427.500.000
Ông Hoàng Hữu Hải	18,303%	2.745.460.000	18,303%	2.745.460.000
Ông Vũ Hoàng Tùng	19,090%	2.863.500.000	19,090%	2.863.500.000
Bà Vũ Thị Thúy Giang	17,000%	2.550.000.000	17,000%	2.550.000.000
Các cổ đông khác	9,420%	1.412.990.000	9,420%	1.412.990.000
Cổ phiếu quỹ	0,004%	550.000	0,004%	550.000
	100%	15.000.000.000	100%	15.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	<i>15.000.000.000</i>	<i>15.000.000.000</i>
Cổ tức, lợi nhuận:		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ</i>	<i>1.408.955.862</i>	<i>958.972.362</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ</i>	<i>449.983.500</i>	<i>449.983.500</i>
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	<i>449.983.500</i>	<i>449.983.500</i>
- <i>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ</i>	<i>1.858.939.362</i>	<i>1.408.955.862</i>

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.500.000	1.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	1.500.000	1.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.500.000</i>	<i>1.500.000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	55	55
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>55</i>	<i>55</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.499.945	1.499.945
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>1.499.945</i>	<i>1.499.945</i>
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	9.179.654.679	8.735.125.996
	9.179.654.679	8.735.125.996

20 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo Hợp đồng cho thuê hoạt động ký kết với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội tại Tầng 1, tòa nhà Số 436 đường Nguyễn Trãi, phường Trung Văn, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội với diện tích cho thuê là 202 m². Thời hạn cho thuê là 05 (năm) năm kể từ ngày 01/07/2019.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẬP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆNSố 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn -
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

b)	Ngoại tệ các loại	31/12/2022	01/01/2022
	- Đồng đô la Mỹ (USD)	113,94	1.469,89
21	. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.080.000.000	1.080.000.000
	Doanh thu hợp đồng xây dựng	37.038.264.211	105.974.740.722
		38.118.264.211	107.054.740.722
	Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>	24.617.489.068	39.518.348.686
22	. GIÁ VỐN HÀNG BÁN	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Giá vốn của hợp đồng xây dựng	28.163.696.026	92.302.533.711
		28.163.696.026	92.302.533.711
	Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33)</i>		
	Tổng giá trị mua vào:	120.010.065	181.823.324
23	. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Lãi tiền gửi, lãi cho vay	36.290.742	60.745.006
	Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	1.405.249	-
		37.695.991	60.745.006
24	. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Lãi tiền vay	4.193.119.211	4.286.745.683
	Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	177.751.515
		4.193.119.211	4.464.497.198
25	. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
	Chi phí nguyên liệu, vật liệu	117.377.351	112.191.547
	Chi phí nhân công	4.535.894.325	5.633.295.756
	Chi phí khấu hao tài sản cố định	491.408.634	689.017.025
	Thuế, phí, lệ phí	7.012.512	6.275.520
	Hoàn nhập dự phòng	-	(53.484.896)
	Chi phí dịch vụ mua ngoài	425.914.138	602.269.744
	Chi phí khác bằng tiền	1.116.710.264	1.031.558.785
		6.694.317.224	8.021.123.481

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	1.000.000
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.340.163.336	496.005.293
Thu nhập khác	813.018.752	102.623.868
	2.153.182.088	599.629.161

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt (*)	879.652.097	-
Chi phí khác	-	246.693.184
	879.652.097	246.693.184

(*) Khoản Công ty nộp phạt theo Quyết định xử phạt VPHC về thuế (phạt vi phạm hành chính, phạt chậm nộp) và các loại tiền nộp phạt Bảo hiểm xã hội, tiền phạt khác.

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	378.357.732	2.680.267.315
Các khoản điều chỉnh tăng	879.652.097	1.830.495.603
- Chi phí không hợp lệ (*)	879.652.097	1.830.495.603
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.258.009.829	4.510.762.918
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	251.601.966	902.152.583
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tăng theo Quyết định xử phạt VPHC về thuế (**)	48.927.758	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.556.270.021	904.110.890
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(1.438.780.071)	(249.993.452)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	418.019.674	1.556.270.021

(*) Các khoản chi phí không hợp lệ không bao gồm chi phí lãi vay không được trừ theo Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết. Đối với chi phí lãi vay không được trừ này, Công ty dự kiến sẽ chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo.

(**) Theo Quyết định xử phạt VPHC về thuế số 23769/QĐ-CTHN-TTKT7 ngày 25 tháng 05 năm 2022, Công ty bị xử phạt VPHC về Thuế TNDN.

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	126.755.766	1.778.114.732
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế (*)</i>	<i>(12.675.577)</i>	<i>(177.811.473)</i>
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	114.080.189	1.600.303.259
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.499.945	1.499.945
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	76	1.067

(*) Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm nay đã được trừ đi số ước tính sẽ trích quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế của năm 2022, tương ứng tỷ lệ trích đã được phê duyệt cho năm 2021. Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu với cơ sở nêu trên nhằm phục vụ cho việc so sánh thông tin giữa hai năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.393.527.927	30.244.711.520
Chi phí nhân công	13.721.695.311	24.459.309.002
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.769.835.149	2.251.136.119
Chi phí dự phòng	-	(53.484.896)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.915.846.868	27.441.891.572
Chi phí khác bằng tiền	1.179.757.087	2.254.269.911
	25.980.662.342	86.597.833.228

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆNSố 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn -
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền	2.299.221.132	-	-	2.299.221.132
Phải thu khách hàng, phải thu khác	74.758.407.775	-	-	74.758.407.775
Các khoản cho vay	-	500.000.000	-	500.000.000
	77.057.628.907	500.000.000	-	77.557.628.907
Tại ngày 01/01/2022				
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tiền	1.540.009.145	-	-	1.540.009.145
Phải thu khách hàng, phải thu khác	73.628.551.065	-	-	73.628.551.065
Các khoản cho vay	-	500.000.000	-	500.000.000
	75.168.560.210	500.000.000	-	75.668.560.210

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	52.726.492.105	295.010.000	-	53.021.502.105
Phải trả người bán, phải trả khác	35.099.661.080	-	-	35.099.661.080
Chi phí phải trả	8.129.792.130	-	-	8.129.792.130
	95.955.945.315	295.010.000	-	96.250.955.315
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	50.789.571.971	627.890.000	-	51.417.461.971
Phải trả người bán, phải trả khác	36.748.819.128	-	-	36.748.819.128
Chi phí phải trả	10.651.464.130	-	-	10.651.464.130
	98.189.855.229	627.890.000	-	98.817.745.229

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

32 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	Cổ đông lớn
Công ty Cổ phần LILAMA 5	Công ty con của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần LILAMA 7	Công ty con của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần LILAMA 45-4	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần LILAMA 18	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP
Công ty Cổ phần LILAMA 45-3	Công ty liên kết của Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
	VND	VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.617.489.068	39.518.348.686
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	21.668.748.728	30.740.824.341
Công ty Cổ phần LILAMA 69-1	191.512.040	5.858.049.970
Công ty Cổ phần LILAMA 18	2.757.228.300	839.786.000
Công ty Cổ phần LILAMA 10	-	1.564.830.400
Công ty Cổ phần LILAMA 7	-	514.857.975
Mua hàng	120.010.065	181.823.324
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	120.010.065	181.823.324
Phân phối cổ tức	162.804.030	162.804.030
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam - CTCP	162.804.030	162.804.030

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

<u>Thu nhập của HĐQT</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Ông Lê Văn Định	Chủ tịch HĐQT	296.400.000	296.400.000
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	(*)	(*)
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	(*)	(*)
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	(*)	(*)
Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	234.000.000	168.000.000

(*) Đã được trình bày ở phần thu nhập của ban Tổng Giám đốc như chi tiết bên dưới.

CÔNG TY CỔ PHẦN LẮP MÁY - THÍ NGHIỆM CƠ ĐIỆN

Số 434 - 436 Nguyễn Trãi - phường Trung Văn -
Quận Nam Từ Liêm - Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

<u>Thu nhập của Ban Tổng giám đốc</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Ông Hoàng Văn Lít	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	282.000.000	216.000.000
Ông Nguyễn Sỹ Thành	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	270.000.000	204.000.000
Ông Nguyễn Thành Đại	Phó Tổng giám đốc	204.000.000	204.000.000
Ông Vũ Hoàng Tùng	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng	270.000.000	204.000.000
<u>Thu nhập của Ban Kiểm soát</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Năm 2021</u>
		VND	VND
Ông Lê Tuấn Anh	Trưởng Ban kiểm soát	174.000.000	174.000.000
Bà Trần Thị Điệp	Thành viên BKS	100.344.000	64.839.999
Bà Lê Thúy Hồng	Thành viên BKS	36.000.000	36.000.000

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam kiểm toán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Theo đó một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2021 được điều chỉnh cụ thể như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trên Báo cáo tài chính kỳ trước</u>	<u>Số liệu điều chỉnh lại</u>	<u>Chênh lệch</u>	<u>Ghi chú</u>
		VND	VND	VND	
Bảng Cân đối kế toán					
Dự phòng phải trả dài hạn	342	3.178.444.675	-	(3.178.444.675)	(*)
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	3.178.444.675	3.178.444.675	(*)
Phải trả người bán ngắn hạn	311	1.562.593.785	2.949.166.608	1.386.572.823	(*)
Phải trả người bán dài hạn	331	1.386.572.823	-	(1.386.572.823)	(*)
Phải trả ngắn hạn khác	319	33.488.375.468	33.799.652.520	311.277.052	(*)
Phải trả dài hạn khác	337	311.277.052		(311.277.052)	(*)

(*) Điều chỉnh phân loại lại số dư đầu kỳ.

LAC

Lê Thị Chi
Người lập

[Signature]

Vũ Hoàng Tùng
Kế toán trưởng



Hoàng Văn Lít
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2023